

PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRỰC TIẾP CỦA SINH VIÊN TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ: TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHỆ VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIẢNG DẠY**Nguyễn Thị Thúy Hương^{1*}**¹Trường Đại học Thành Đông**Tác giả liên hệ: huongnguyenmtc2023@gmail.com***TÓM TẮT**

Phát triển kỹ năng giao tiếp không chỉ giúp sinh viên truyền đạt ý tưởng một cách rõ ràng, chính xác mà còn nâng cao tư duy logic. Khả năng giao tiếp hiệu quả còn tạo lợi thế trong việc tìm kiếm việc làm và đạt được thành công trong sự nghiệp. Hiện nay, nhiều sinh viên lúng túng khi giao tiếp trực tiếp dù có thể hoàn thành nhanh chóng các bài kiểm tra viết nhờ vào sự hỗ trợ của điện thoại thông minh và internet. Bài viết này phân tích ảnh hưởng của việc sử dụng công nghệ số đến khả năng giao tiếp của sinh viên trong bối cảnh giảng dạy Kỹ năng mềm tại bậc đại học. Mục tiêu là đưa ra các giải pháp nhằm cải thiện chất lượng giảng dạy, giúp sinh viên phát triển khả năng giao tiếp hiệu quả hơn, từ đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Từ khoá: Công nghệ số, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng mềm, sinh viên đại học.

ABSTRACT

Developing communication skills not only enables students to convey ideas clearly and accurately but also enhances logical thinking and interpersonal effectiveness. In the digital era, while students may perform well in written assessments with the aid of smartphones and the internet, many struggle with direct, face-to-face communication. This article examines the impact of digital technology on university students' communication skills in the context of soft skills education. The study aims to propose pedagogical solutions to improve the effectiveness of teaching, foster students' ability to communicate confidently and coherently, and thereby contribute to developing a high-quality workforce that meets the demands of the modern labor market.

Keywords: Digital technology, communication skills, soft skills, university students.

Ngày nhận bài: 21/11/2024 Ngày nhận bài sửa: 23/09/2025 Ngày duyệt đăng bài: 08/10/2025

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, công nghệ ngày càng chi phối sâu sắc đến mọi mặt đời sống, đặc biệt là giáo dục và kỹ năng nghề nghiệp. Sinh viên – lực lượng lao động tương lai – hiện nay có xu hướng phụ thuộc nhiều vào thiết bị kỹ thuật số như điện thoại thông minh, internet và mạng xã hội. Việc sử dụng công nghệ mang lại nhiều thuận lợi trong học tập, tuy nhiên lại vô tình làm giảm các cơ hội thực hành và phát triển kỹ năng giao tiếp trực tiếp – một năng lực mềm thiết yếu trong học tập, việc làm và cuộc sống.

Mỗi năm, Việt Nam có khoảng 1,6 triệu thanh niên bước vào độ tuổi lao động (Tổng cục Thống kê, 2023). Tuy nhiên, theo khảo sát của Phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam (VCCI) năm 2022, hơn 70% doanh nghiệp phản ánh rằng sinh viên mới ra trường thiếu kỹ năng mềm, đặc biệt là giao tiếp và làm việc nhóm (VCCI, 2022). Tuy nhiên, lực lượng lao động trẻ lại thiếu kỹ năng mềm để phục vụ công việc. Đó là đánh giá của các chuyên gia tại buổi “Đối thoại về sự tham gia của doanh nghiệp trong việc phát triển kỹ năng việc làm cho lao động trẻ” do Phòng Thương mại &

Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức sáng 27/9/2022 tại Hà Nội. Đây là một trong những rào cản khiến sinh viên khó thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp. Trong khi đó, giáo dục đại học hiện nay vẫn gặp khó khăn trong việc xây dựng chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy phù hợp để nâng cao kỹ năng giao tiếp trực tiếp cho sinh viên trong điều kiện ứng dụng công nghệ ngày càng phổ biến.

Nghiên cứu này nhằm phân tích ảnh hưởng của việc sử dụng công nghệ số đến khả năng giao tiếp trực tiếp của sinh viên. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp giảng dạy phù hợp, giúp nâng cao hiệu quả đào tạo kỹ năng giao tiếp trực tiếp, từ đó góp phần phát triển năng lực toàn diện cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số.

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp tài liệu, kết hợp quan sát thực tiễn trong quá trình giảng dạy học phần Kỹ năng mềm cho sinh viên năm thứ nhất tại một số trường đại học. Đồng thời, tác giả tiến hành phân tích nội dung các đề cương học phần và thu thập ý kiến từ giảng viên – sinh viên để xác định thực trạng và những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy kỹ năng giao tiếp hiện nay.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên hiện nay có xu hướng giao tiếp ngắn gọn, lệ thuộc vào công nghệ, thiếu tự tin trong trình bày trực tiếp và hạn chế về khả năng lắng nghe, phản biện. Bài viết đã đề xuất một số giải pháp thiết thực như thiết kế lại nội dung giảng dạy theo hướng trải nghiệm – tương tác, tăng cường thực hành thuyết trình – tranh luận – làm việc nhóm, và tích hợp kỹ năng giao tiếp số có định hướng. Những giải pháp này có ý nghĩa quan trọng trong việc đổi mới phương pháp giáo dục đại học, góp phần đào tạo nguồn nhân lực trẻ có năng lực giao tiếp toàn diện, thích ứng hiệu quả với môi trường làm việc hiện đại.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích – tổng hợp tài liệu kết hợp với quan sát thực tiễn trong quá trình giảng dạy học phần Kỹ năng mềm cho sinh viên năm thứ nhất tại một số trường đại học.

Tác giả đã tiến hành: Phân tích nội dung các đề cương học phần kỹ năng mềm và kỹ năng giao tiếp ở một số cơ sở đào tạo; Khảo sát và trao đổi ý kiến với giảng viên – sinh viên để làm rõ thực trạng và nhu cầu giảng dạy; Đối chiếu dữ liệu khảo sát và tài liệu thứ cấp từ các báo cáo của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, UNICEF, các trường đại học và báo chí chính thống.

Kết hợp các phương pháp định tính này giúp xác định rõ ảnh hưởng của công nghệ số đến hành vi giao tiếp của sinh viên, đồng thời đưa ra hệ thống giải pháp phù hợp với bối cảnh giáo dục hiện đại.

3. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ CÔNG NGHỆ SỐ VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN HÀNH VI GIAO TIẾP CỦA SINH VIÊN

3.1. Khái quát về công nghệ số trong giáo dục hiện nay

Công nghệ số là hệ thống các công cụ, thiết bị và nền tảng điện tử có khả năng thu thập, xử lý và chia sẻ dữ liệu một cách nhanh chóng và linh hoạt. Trong giáo dục, công nghệ số bao gồm: internet, điện thoại thông minh, máy tính bảng, nền tảng học tập trực tuyến, phần mềm tương tác, mạng xã hội... Các công cụ này đã thay đổi cách sinh viên tiếp cận tri thức, tương tác trong học tập và xây dựng kỹ năng nghề nghiệp.

3.2. Tác động của công nghệ số đến hành vi giao tiếp của sinh viên

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ, công nghệ số đã và đang tác động sâu sắc đến thói quen học tập, tư duy và đặc biệt là hành vi giao tiếp của sinh viên đại học. Bên cạnh những tiện ích như tra cứu thông tin nhanh chóng, kết nối học tập linh hoạt và hỗ trợ làm

việc nhóm từ xa, việc sử dụng thiết bị số quá mức đang dần làm thay đổi cách sinh viên tương tác trong đời sống thực tế.

Nhiều sinh viên hiện nay có xu hướng thể hiện ý tưởng qua biểu tượng cảm xúc, tin nhắn ngắn hoặc bài đăng mạng xã hội thay vì đối thoại trực tiếp, dẫn đến sự giảm sút về khả năng trình bày mạch lạc, kỹ năng lắng nghe và phản biện, cũng như sự tự tin khi giao tiếp trước đám đông. Việc thiếu rèn luyện kỹ năng phi ngôn ngữ – như ánh mắt, tư thế, giọng nói – khiến kỹ năng giao tiếp trực tiếp trở nên mờ nhạt trong môi trường đại học và nghề nghiệp.

Theo Tạp chí Giáo dục và Thời Đại (2025), một nghiên cứu về sự thiếu hụt các kỹ năng mềm khi đi làm ở người trẻ Việt Nam do tổ chức nghiên cứu và thay đổi xã hội vùng Love Frankie phối hợp với Công ty nghiên cứu Indochina Research Ltd thực hiện vào tháng

4/2024 cho thấy, 78% thanh niên được hỏi đánh giá kỹ năng giao tiếp là quan trọng nhất, tiếp theo là sáng tạo (48%), làm việc nhóm (35%), quản lý thời gian (21%) và khả năng tương tác với người khác (21%). Điều này phản ánh phần nào nhận thức của thế hệ trẻ về tầm quan trọng của việc trau dồi kỹ năng mềm. Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát của Nguyễn Thị Thuận, chuyên gia Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, mỗi năm Việt Nam có khoảng 1,6 triệu thanh niên bước vào tuổi lao động, trong đó có tới 83% sinh viên tốt nghiệp bị đánh giá là thiếu kỹ năng mềm (Hà Trang, 2025).

Điều này cho thấy mâu thuẫn đáng báo động giữa nhận thức và năng lực thực tiễn, đồng thời phản ánh hậu quả tiêu cực của sự phụ thuộc vào giao tiếp số hóa đối với năng lực tương tác trong thế giới thực.

Bảng 1. Tác động của công nghệ số đến hành vi giao tiếp của sinh viên

Tiêu chí	Trước khi lạm dụng công nghệ	Hiện nay	Ghi chú
Thời lượng giao tiếp trực tiếp	2–3 giờ/ngày	<1 giờ/ngày	Ước tính trung bình
Mức độ tự tin khi nói trước đám đông	Tương đối cao	Thấp	Phản hồi SV năm 1-2
Khả năng phản xạ ngôn ngữ	Nhanh nhạy	Chậm, phụ thuộc văn bản số	
Kỹ năng lắng nghe	Chủ động, tương tác	Thiếu kiên nhẫn	
Trường đại học	Hình thức giảng dạy	Phương pháp	Thực hành giao tiếp

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Việc giao tiếp thông qua thiết bị công nghệ, nếu không kiểm soát, sẽ làm suy giảm khả năng hình thành và phát triển các yếu tố then chốt trong giao tiếp trực tiếp, vốn là năng lực nền tảng trong giáo dục nhân văn và phát triển nghề nghiệp. Báo cáo của UNICEF tại Việt Nam cũng cho thấy, nhóm tuổi thanh thiếu niên từ 15–18 thiếu trầm trọng các kỹ năng mềm như giải quyết vấn đề, giao tiếp và quản lý cảm xúc. Bà Lesley Miller – Phó đại diện UNICEF tại Việt Nam – nhấn mạnh rằng kỹ năng mềm cần được hình thành từ sớm để xây

dựng khả năng thích nghi, linh hoạt và bền vững trong thị trường lao động (UNICEF, 2024).

Thực trạng này được củng cố bởi số liệu của Viện Nghiên cứu Giáo dục Việt Nam, khi cho thấy 83% sinh viên tốt nghiệp bị đánh giá thiếu kỹ năng mềm, 37% không tìm được việc làm phù hợp, hơn 13% phải đào tạo lại, và gần 40% phải được kèm cặp lại tại nơi làm việc do kỹ năng yếu (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, 2023).

Do vậy, việc đổi mới phương pháp và nội dung giảng dạy kỹ năng giao tiếp trực tiếp là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh số hóa, nhằm giúp sinh viên phát triển toàn diện cả về ngôn ngữ, tư duy phản biện và tương tác xã hội.

3.3. Tầm quan trọng của giao tiếp

Giao tiếp – nền tảng của thành công cá nhân và nghề nghiệp: Giao tiếp là khả năng truyền đạt thông tin, ý tưởng và cảm xúc một cách hiệu quả giữa các cá nhân. Theo UNICEF, giao tiếp bao gồm cả lời nói và phi ngôn ngữ như biểu cảm khuôn mặt, ánh mắt, giọng nói, cử chỉ và tư thế.

Đây không chỉ là một phương tiện trao đổi thông tin mà còn là công cụ then chốt trong việc xây dựng quan hệ, giải quyết xung đột, làm việc nhóm và thuyết phục người khác. Trong môi trường học đường và nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp đóng vai trò thiết yếu giúp người học thể hiện bản thân, kết nối với cộng đồng và phát triển tư duy phản biện một cách chủ động.

Giao tiếp trực tiếp – năng lực cốt lõi trong giáo dục đại học: Trong đào tạo bậc đại học, giao tiếp trực tiếp không chỉ là kỹ năng học thuật mà còn là yếu tố hình thành năng lực nghề nghiệp và bản lĩnh cá nhân. Khả năng trình bày mạch lạc, lắng nghe hiệu quả, tương tác linh hoạt và phản hồi phù hợp là những biểu hiện quan trọng của kỹ năng này. Giao tiếp trực tiếp giúp sinh viên thể hiện ý tưởng, tham gia tranh luận, trình bày báo cáo, làm việc nhóm và tương tác với giảng viên cũng như bạn học – tất cả đều là những tình huống phổ biến trong môi trường học tập và nghề nghiệp thực tế.

Thách thức rèn luyện kỹ năng giao tiếp trực tiếp trong thời đại số: Tuy nhiên, trong bối cảnh công nghệ phát triển nhanh chóng, sinh viên ngày càng có xu hướng giao tiếp qua các thiết bị kỹ thuật số như điện thoại thông minh, mạng xã hội, email và các nền tảng trực tuyến.

Đối với học phần Kỹ năng giao tiếp, mục tiêu là giúp sinh viên hiểu rõ các nguyên tắc,

Việc giao tiếp gián tiếp, rút gọn và phi thực tế này đang làm giảm cơ hội rèn luyện các yếu tố phi ngôn ngữ và kỹ năng phản xạ trong tương tác. Nhiều sinh viên lúng túng khi trình bày trực tiếp, thiếu tự tin khi phát biểu trước đám đông và gặp khó khăn trong việc thể hiện cảm xúc cũng như lắng nghe chủ động. Tình trạng này nếu không được khắc phục sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả học tập và khả năng thích ứng nghề nghiệp sau khi ra trường.

Do đó, kỹ năng giao tiếp trực tiếp không chỉ cần được nhận diện là năng lực quan trọng trong khung năng lực nghề nghiệp, mà còn cần được đào tạo có định hướng và bài bản ngay từ năm đầu đại học. Đây là nền tảng để xây dựng thể hệ sinh viên có khả năng thích nghi, hợp tác và phát triển bền vững trong xã hội số.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY VỀ KỸ NĂNG MỀM

4.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học kỹ năng mềm

Kỹ năng mềm và kỹ năng giao tiếp được xem là những học phần nền tảng trong khối kiến thức chung được giảng dạy tại nhiều trường đại học như, Đại học Sao Đỏ, Đại học Thái nguyên, Đại học Trà Vinh, Đại học Thành Đông... Mục tiêu chung của các học phần này là giúp sinh viên hình thành và phát triển các năng lực thiết yếu để thích nghi, hợp tác và thành công trong học tập cũng như nghề nghiệp.

Trong đó, học phần Kỹ năng mềm thường bao gồm các nội dung về giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, quản lý thời gian và giải quyết vấn đề. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt được năng lực nhận diện, vận dụng và đánh giá hiệu quả các kỹ năng trong môi trường học tập và công việc. Đồng thời, rèn luyện tinh thần tự chủ, trách nhiệm và khả năng thích ứng trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

chức năng và phương tiện giao tiếp, bao gồm cả ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. Sinh viên được

trang bị khả năng lắng nghe, diễn đạt, phản hồi, đặt câu hỏi và xử lý thông điệp trong nhiều bối cảnh khác nhau, từ học đường đến môi trường liên văn hóa. Chuẩn đầu ra yêu cầu sinh viên có thể thực hành giao tiếp hiệu quả, sử dụng linh hoạt các công cụ giao tiếp số và trực tiếp, đồng thời chủ động đóng góp vào hoạt động nhóm, tổ chức.

4.2. Thực tiễn triển khai giảng dạy tại các cơ sở đào tạo

Khảo sát tại các trường đại học thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như Lưu trữ học, Quản trị văn phòng, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin..., cho thấy các môn kỹ năng mềm/giao tiếp được phân bố linh hoạt: có nơi

đưa vào chương trình chung, có nơi tích hợp vào học phần ngành. Dù cách tiếp cận khác nhau, nhưng điểm chung là đều nhấn mạnh vai trò thực hành, trải nghiệm và liên hệ thực tế trong quá trình giảng dạy.

Tuy nhiên, vẫn còn không ít học phần mang tính lý thuyết, thiếu tính tương tác, dẫn đến việc sinh viên tiếp thu một chiều và ít có cơ hội rèn luyện kỹ năng giao tiếp trực tiếp. Điều này đặc biệt rõ ràng trong giai đoạn sau đại dịch, khi nhiều hoạt động đào tạo chuyển sang hình thức trực tuyến, khiến khả năng tương tác trực tiếp của sinh viên bị giảm sút đáng kể.

Bảng 2. Hình thức và mức độ thực hành kỹ năng mềm

Trường đại học	Hình thức giảng dạy	Phương pháp chủ đạo	Mức độ thực hành giao tiếp	Ghi chú phân tích
Đại học Sao Đỏ	Truyền thống	Thuyết trình, vấn đáp, giải thích nội dung bài giảng	Ít	Chủ yếu lý thuyết (20 LT / 8 TH), thực hành đơn giản theo nhóm nhỏ
Đại học Thái Nguyên	Tích hợp	Trực tuyến kết hợp mô phỏng, phân tích tình huống	Trung bình	Có lồng ghép thực hành nhưng nặng lý thuyết, bài tập mang tính minh họa, tương tác vừa phải
Đại học Trà Vinh	Tích hợp sâu	Đóng vai, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề theo dự án	Nhiều	Học phần tổ chức theo chuyên đề; nhấn mạnh thực hành, sinh viên chủ động trải nghiệm
Đại học Thành Đông	Tích hợp định hướng ứng dụng	Bài tập tình huống, thảo luận nhóm, thực hành thuyết trình	Nhiều	Cấu trúc học phần rõ định hướng kỹ năng giao tiếp – thuyết trình – làm việc nhóm, đánh giá qua thực hành
ĐH Ngoại ngữ – Tin học TP.HCM	Tích hợp kết hợp case study liên tục	Làm việc nhóm theo tình huống, kịch bản trình bày, thảo luận phản biện		10 tuần liên tiếp thực hành nhóm với case study, kỹ năng giao tiếp – thuyết trình – phản biện được rèn luyện thường xuyên

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Kết quả khảo sát và đối sánh chương trình đào tạo kỹ năng mềm tại một số trường đại học cho thấy xu hướng ngày càng rõ rệt trong việc chuyển từ giảng dạy truyền thống sang phương pháp tích hợp thực hành. Các cơ sở như Trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học TP.HCM, Đại học Trà Vinh và Đại học Thành Đông đã triển khai hiệu quả các hình thức giảng dạy dựa trên tình huống, đóng vai, tranh biện và thuyết trình nhóm, từ đó tạo điều kiện để sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp thực

tiễn một cách toàn diện. Trong khi đó, một số trường vẫn giữ tỷ trọng lý thuyết cao và thực hành còn hạn chế, làm giảm hiệu quả rèn luyện kỹ năng mềm. Điều này cho thấy, để đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh chuyển đổi số, các trường cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá nhằm tăng cường yếu tố trải nghiệm, chủ động và tương tác trong việc giảng dạy

4.3. Yêu cầu đổi mới nội dung giảng dạy trong bối cảnh chuyển đổi số

Trong xu thế chuyển đổi số, nội dung và phương pháp giảng dạy các môn kỹ năng mềm/giao tiếp cần được điều chỉnh để vừa tận dụng lợi thế công nghệ, vừa bảo đảm duy trì và phát triển kỹ năng giao tiếp trực tiếp – vốn không thể thay thế bởi máy móc hay trí tuệ nhân tạo.

Cụ thể, chương trình cần tích hợp các tình huống mô phỏng thực tế (role-play, case study), tổ chức các buổi thuyết trình, tranh luận, làm việc nhóm, đồng thời lồng ghép kỹ năng giao tiếp số như viết email, phản hồi qua nền tảng trực tuyến, xử lý tương tác trên mạng xã hội... nhằm trang bị cho sinh viên năng lực giao tiếp đa dạng, thích ứng được cả môi trường thực tế lẫn môi trường số.

4.4. Ý nghĩa và đề xuất

Việc thiết kế học phần kỹ năng mềm/kỹ năng giao tiếp theo hướng tích hợp, thực tiễn và thích ứng với công nghệ sẽ giúp sinh viên phát triển toàn diện. Các kỹ năng này không chỉ phục vụ mục tiêu học tập, mà còn là hành trang quan trọng khi sinh viên bước vào thị trường lao động – nơi đòi hỏi cao về khả năng diễn đạt, thuyết phục và làm việc nhóm.

Do đó, các trường đại học cần tiếp tục rà soát và cập nhật nội dung giảng dạy phù hợp với bối cảnh mới, đồng thời xây dựng hệ sinh thái học tập khuyến khích giao tiếp trực tiếp như: học phần liên ngành, diễn đàn phản biện, hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ học thuật... để sinh viên có môi trường thực hành thường xuyên, phát triển kỹ năng một cách tự nhiên và bền vững.

5. NGUYÊN NHÂN LÀM GIẢM HIỆU QUẢ TRONG GIẢNG DẠY

Việc giảng dạy kỹ năng mềm nói chung và kỹ năng giao tiếp trực tiếp nói riêng tại các cơ sở giáo dục đại học hiện nay vẫn gặp nhiều trở ngại. Những nguyên nhân chủ yếu làm

giảm hiệu quả của hoạt động đào tạo này có thể được phân thành các nhóm chính sau:

5.1. Nguyên nhân từ nhận thức và thái độ của người học

Một trong những nguyên nhân phổ biến là sinh viên chưa nhận thức đúng vai trò thiết yếu của kỹ năng mềm trong học tập và nghề nghiệp. Do học phần kỹ năng mềm thường được bố trí ở năm nhất hoặc năm hai, nhiều sinh viên có tâm lý xem nhẹ, coi đây là môn điều kiện hoặc bổ trợ. Việc thiếu động lực nội tại khiến họ không đầu tư thời gian và nỗ lực cần thiết để tiếp thu và rèn luyện. Thêm vào đó, không ít sinh viên chưa xác định rõ ngành học hoặc mục tiêu nghề nghiệp nên khó thấy được mối liên hệ giữa nội dung môn học với nhu cầu thực tiễn của bản thân, dẫn đến sự thờ ơ, đối phó trong quá trình học.

5.2. Ảnh hưởng tiêu cực của thói quen giao tiếp qua công nghệ

Việc tiếp xúc quá sớm và quá thường xuyên với công nghệ số đã hình thành trong sinh viên thói quen giao tiếp thụ động, gián tiếp, thiếu chiều sâu. Nhiều sinh viên quen biểu đạt cảm xúc, ý tưởng qua tin nhắn, biểu tượng emoji, mạng xã hội thay vì đối thoại trực diện. Thói quen này khiến họ ngại nói, ngại trình bày, thiếu phản xạ giao tiếp và dần mất đi sự tự tin khi tham gia vào các tình huống giao tiếp thực tế như thuyết trình, tranh luận, phản biện.

Không chỉ vậy, sự phụ thuộc vào thiết bị số cũng khiến sinh viên dễ mất kiên nhẫn và giảm khả năng lắng nghe – hai thành tố quan trọng trong giao tiếp hiệu quả. Khi kỹ năng lắng nghe suy giảm, giao tiếp trở nên một chiều, thiếu tương tác và không thể phát triển sự hiểu biết lẫn nhau trong các nhóm học tập hoặc môi trường làm việc.

5.3. Hạn chế từ phương pháp giảng dạy và môi trường học tập

Một nguyên nhân khác đến từ chính cách thức tổ chức giảng dạy, phương pháp giảng dạy

truyền thống – thiên về lý thuyết, thiếu trải nghiệm thực tiễn – vẫn phổ biến trong nhiều cơ sở đào tạo. Sinh viên ít được khuyến khích tham gia vào các hoạt động giao tiếp thực hành như đối thoại, tranh luận, phản biện, hùng biện. Vấn đề này không chỉ giới hạn cơ hội rèn luyện kỹ năng, mà còn làm giảm sự chủ động và sáng tạo trong học tập của sinh viên hiện nay.

Ngoài ra, từ các cấp học phổ thông, học sinh ít được tạo điều kiện để nói lên chính kiến cá nhân. Tâm lý e dè, sợ sai, sợ bị phán xét hình thành từ sớm khiến sinh viên gặp khó khăn khi phải bảo vệ quan điểm hay tham gia thảo luận nhóm ở bậc đại học. Đây là rào cản lớn đối với sự phát triển kỹ năng giao tiếp trực tiếp.

5.4. Gợi mở định hướng đổi mới

Để nâng cao hiệu quả giảng dạy kỹ năng giao tiếp, các cơ sở giáo dục cần định hướng lại phương pháp đào tạo theo hướng thực hành, tương tác và trải nghiệm. Các hoạt động như làm việc nhóm, thuyết trình, tranh luận, đóng vai (role-play), mô phỏng tình huống nghề nghiệp nên được tích hợp vào chương trình. Đồng thời, cần thiết kế môi trường học tập thân thiện, khuyến khích sinh viên bày tỏ ý kiến mà không sợ sai, giúp họ vượt qua rào cản tâm lý và phát triển khả năng giao tiếp một cách toàn diện trong cả môi trường truyền thống và số hóa.

6. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRỰC TIẾP TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Để cải thiện kỹ năng giao tiếp trực tiếp của sinh viên trong thời đại số, cần triển khai đồng bộ các giải pháp ở nhiều cấp độ: từ nhận thức cá nhân, chương trình đào tạo, môi trường học tập đến việc sử dụng công nghệ có định hướng. Một số giải pháp đề xuất như sau:

Một là, nâng cao nhận thức và định hướng cá nhân: Tăng cường nhận thức về vai trò của kỹ năng giao tiếp: Người học cần hiểu rõ kỹ năng giao tiếp không chỉ là công cụ học tập mà

còn là yếu tố quyết định sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống. Việc nhận thức đúng sẽ tạo động lực tự học, tự rèn luyện. Xác định sớm mục tiêu nghề nghiệp: Khi sinh viên có định hướng nghề nghiệp rõ ràng, họ sẽ thấy được mối liên hệ giữa kỹ năng giao tiếp và yêu cầu công việc, từ đó chủ động trau dồi kỹ năng phù hợp với ngành nghề tương lai.

Hai là, đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy: Tích hợp thực hành giao tiếp trong môn học: Chương trình đào tạo cần thiết kế các hoạt động như thuyết trình, làm việc nhóm, mô phỏng phỏng vấn, phản biện, tranh luận để sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp qua trải nghiệm thực tiễn. Khuyến khích đánh giá liên tục và phản hồi tích cực: Các bài tập thực hành nên đi kèm với phản hồi cụ thể từ giảng viên và bạn học nhằm giúp sinh viên nhận diện điểm mạnh – điểm yếu và điều chỉnh hành vi giao tiếp.

Ba là, xây dựng môi trường học tập tích cực, không sợ sai: Tạo không gian học tập an toàn, khuyến khích bày tỏ: Giảng viên cần xây dựng văn hóa lớp học cởi mở, nơi mọi ý kiến đều được lắng nghe, đánh giá tích cực, giúp sinh viên vượt qua nỗi sợ mắc lỗi khi giao tiếp. Đa dạng hình thức học tập tương tác: Tổ chức diễn đàn, câu lạc bộ học thuật, tọa đàm sinh viên – giảng viên sẽ là môi trường lý tưởng để sinh viên thực hành kỹ năng giao tiếp trong nhiều tình huống khác nhau.

Bốn là, rèn luyện kỹ năng giao tiếp số có định hướng: Giáo dục sinh viên sử dụng công nghệ một cách có ý thức: Hướng dẫn sinh viên cách viết email chuyên nghiệp, phản hồi lịch sự trên nền tảng trực tuyến, ứng xử phù hợp trên mạng xã hội là nội dung cần được đưa vào chương trình giảng dạy. Kết hợp hài hòa giữa công nghệ và giao tiếp trực tiếp: Cần giúp sinh viên hiểu rằng công nghệ là công cụ hỗ trợ, không thay thế hoàn toàn giao tiếp truyền thống. Do đó, kỹ năng nói – lắng nghe – trình bày trực tiếp vẫn cần được rèn luyện song song.

Năm là, phối hợp giữa nhà trường – giảng viên – người học: Đồng bộ từ quản lý đến giảng dạy: Nhà trường cần đầu tư xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng mềm có chiều sâu, tổ

7. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra sâu rộng, việc nâng cao kỹ năng giao tiếp trực tiếp cho sinh viên trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Những thách thức từ xu hướng giao tiếp số, tâm lý e ngại khi trình bày trực diện, cùng với hạn chế trong phương pháp giảng dạy truyền thống đang đặt ra yêu cầu đổi mới toàn diện cả về chương trình, phương pháp lẫn môi trường đào tạo.

Để khắc phục tình trạng này, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, giảng viên và sinh viên. Về phía giảng viên, cần chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng trải nghiệm – tương tác, gắn lý thuyết với thực hành. Về phía sinh viên, cần nâng cao nhận thức, xác định rõ mục tiêu nghề nghiệp và tích cực tham gia vào các hoạt động rèn luyện kỹ năng. Nhà trường đóng vai trò định hướng chiến lược, tổ chức các không gian học tập thực tiễn, hỗ trợ sinh viên phát triển toàn diện.

Khi quá trình giảng dạy và học tập được phối hợp hài hòa, kỹ năng giao tiếp sẽ thực sự trở thành nền tảng giúp sinh viên tự tin, linh hoạt và thích nghi hiệu quả trong môi trường lao động hiện đại, nơi công nghệ là công cụ hỗ trợ chứ không phải là yếu tố thay thế hoàn toàn con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. (2023). *Báo cáo về thực trạng kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp tại Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.
- Hà Trang. (2025, 18 tháng 5). *Lao động trẻ trong kỷ nguyên AI: Kỹ năng mềm là "chìa khóa" thành công*. Báo Giáo dục và Thời đại. Truy cập ngày 18 tháng 6, 2025, từ <https://giaoducthoidai.vn/lao-dong-tre->

chức các hoạt động hỗ trợ ngoài lớp học. Giảng viên giữ vai trò dẫn dắt, còn sinh viên cần chủ động tham gia và tự hoàn thiện bản thân qua trải nghiệm thực tế.

trong-ky-nguyen-ai-ky-nang-mem-la-chia-khoa-thanh-cong-post714956.html

- Trường Đại học Sao Đỏ. (2020). *Đề cương chi tiết học phần Kỹ năng mềm* [Tài liệu lưu hành nội bộ]. Hải Dương.
- Trường Đại học Thành Đông. (2024). *Đề cương chi tiết các môn học chung* [Tài liệu lưu hành nội bộ]. Hải Dương.
- Trường Đại học Thái Nguyên. (2022). *Đề cương chi tiết học phần Kỹ năng mềm và Kỹ năng giao tiếp* [Tài liệu lưu hành nội bộ]. Cần Thơ.
- Trường Đại học Trà Vinh. (2022). *Đề cương chi tiết học phần Kỹ năng giao tiếp* [Tài liệu lưu hành nội bộ]. Trà Vinh.
- UNICEF Việt Nam. (2024). *Phát triển kỹ năng mềm cho thanh niên Việt Nam*. Hà Nội: Văn phòng UNICEF tại Việt Nam.